

Bản án số: 13/2020/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2020

*Về việc tranh chấp hợp đồng  
cho thuê tài chính*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân*

1/ Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 26 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C ; địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc S, số 37 T, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, chức vụ: Nhân viên Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 77.2020/GUQ – COL ngày 04/6/2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N, địa chỉ: 68/9 tổ 4B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1978; chức vụ: Giám đốc, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1978; địa chỉ: 19B1 tổ 5, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt;

2. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1987; địa chỉ: 129A/4 khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin giải quyết vắng mặt;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ngày 29/5/2019, Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005 với các nội dung sau: Công ty C cho Công ty N thuê tài sản là: 01 (một) máy cưa ván lớn; 01 (một) máy cưa CNC; 01 (một) xe nâng; 01 (một) máy thổi gòn và trộn mùt; Tổng giá trị của Tài sản thuê: 898.625.000 đồng. Trong đó, số tiền cho thuê là 718.900.000 đồng. Lãi suất cho thuê là lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất tiêu chuẩn Việt Nam đồng của Công ty C cộng với biên độ là 2.75%/năm, lãi suất tạm tính theo thông báo bắt đầu thuê là 9.98%/năm, thanh toán nợ gốc và tiền lãi hàng tháng; thời hạn thuê 42 tháng. Thực hiện theo thỏa thuận, Công ty C đã giao toàn bộ những tài sản trên cho công ty N. Công ty N đã nộp tiền ký cược 179.725.000 đồng và nhận tài sản thuê sử dụng. Ngoài ra, để đảm bảo cho số tiền thuê nêu trên thì vào ngày 29/5/2019, ông Nguyễn Quốc N là người đại diện theo pháp luật của Công ty và ông Bùi Văn C là thành viên Công ty đã ký thư bảo lãnh cá nhân đồng ý thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty N đối với Công ty C một cách vô điều kiện và không hủy ngang trong trường hợp Công ty N không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê vì bất kỳ lý do gì thì ông N và ông C đồng ý thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty N đối với Công ty C.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N thường xuyên không thực hiện thanh toán tiền thuê đầy đủ, chỉ thanh toán được 04 kỳ với tổng số tiền là 133.410.784 đồng. Từ ngày 26/11/2019 đến nay Công ty N không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào.

Do Công ty N vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005 nên ngày 10/02/2020, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 11/02/2020 là 747.276.929 đồng.

Ngày 11/02/2020, đại diện Công ty C đã trực tiếp đến trụ sở Công ty N tại Số 68/9 tổ 4B khu phố Đ, Phường T, Thành phố D, Tỉnh Bình Dương nhưng văn phòng Công ty đóng cửa không liên hệ được. Do đó, đại diện Công ty C đã đến nhà xưởng nơi Công ty bàn giao, lắp đặt tài sản thuê ban đầu cho Công ty N tại địa chỉ Ấp 1, T, Bắc Tân U, Bình Dương (Thửa đất 52, tờ bản đồ số 9) thì phát hiện tất cả tài sản của công ty đều đã bị di dời đi đâu không rõ, xưởng thuê cũng được trả lại mặt bằng. Công ty N không hề có bất kỳ thông báo nào cho Công ty C.

Sau đó, đại diện Công ty C đã tìm cách liên hệ với người đại diện theo pháp luật của Công ty N nhiều lần nhưng không thành.

Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty N phải thanh toán số tiền thuê còn nợ là 757.119.321 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 624.758.335 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 11/02/2020 là 122.518.594 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 11/02/2019 đến ngày 19/5/2020 là 9.842.392 đồng.

Công ty N còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 20/5/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty N thanh toán không đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên thì phải bàn giao trả Tài sản thuê bao gồm: 01 (một) máy cưa ván lớn, hiệu TAI CHAN; 01 (một) máy cưa CNC, model: CBG12902/K2, serial No: 018034345; 01 (một) xe nâng, số khung 099838, số máy 01227; 01 (một) máy thổi gòn và trộn mùt cho Công ty C để thanh lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán các khoản nợ thì buộc Công ty N thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên.

Trong trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty C, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc N và ông Bùi Văn C có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005 ngày 29/5/2019 nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu Công ty N bàn giao trả Tài sản thuê bao gồm: 01 (một) máy cưa ván lớn, hiệu TAI CHAN; 01 (một) máy cưa CNC, model: CBG12902/K2, serial No: 018034345; 01 (một) xe nâng, số khung 099838, số máy 01227; 01 (một) máy thổi gòn và trộn mùt cho Công ty C để thanh lý, thu hồi nợ.

*- LỜI KHAI TRONG QUÁ TRÌNH TỔ TỤNG VÀ TẠI PHIÊN TÒA, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA BỊ ĐƠN CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI N ĐỒNG THỜI LÀ NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN LÀ ÔNG NGUYỄN QUỐC N TRÌNH BÀY:*

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005 ký ngày 29/05/2019 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C để thuê tài chính đối với tài sản là: 01 (một) máy cưa ván lớn; 01 (một) máy cưa CNC; 01 (một) xe nâng; 01 (một) máy thổi gòn và trộn mùt (Sau đây gọi tắt là “Tài sản thuê”).

Do vấn đề nội bộ công ty, hiện tại công ty N không kinh doanh hiệu quả nên Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đúng hạn như đã nêu trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Nay, dựa trên các yêu cầu được nêu trong đơn khởi kiện, Công ty N có ý kiến như sau:

Công ty N xác nhận còn nợ Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tính đến ngày 19/5/2020 là 757.119.321 đồng.

Công ty N đồng ý thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2020 tính trên nợ

gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Ngoài ra, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty N theo Hợp đồng cho thuê tài chính và để thực hiện đúng thủ tục, cùng ngày 29/5/2019, ông N đã ký thư bảo lãnh cá nhân. Do ông N sơ ý không hiểu hết trách nhiệm, nay căn cứ theo nội dung thư bảo lãnh thanh toán, ông N đồng ý rằng nếu Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính, ông N sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty N theo nội dung thư bảo lãnh đã ký theo quy định của pháp luật.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng lời khai trong quá trình tố tụng đã trình bày:*

Ông C có biết việc Công ty N có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005 ký ngày 29/5/2019 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C để thuê tài chính đối với tài sản thuê là 01 (một) máy cưa ván lớn; 01 (một) máy cưa CNC; 01 (một) xe nâng; 01 (một) máy thổi gòn và trộn mùt.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty N theo Hợp đồng cho thuê tài chính và để thực hiện đúng thủ tục, cùng ngày 29/5/2019, ông đã ký thư bảo lãnh cá nhân.

Nay căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty C, nội dung thư bảo lãnh thanh toán, ông đồng ý rằng nếu Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính, ông sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty N theo nội dung thư bảo lãnh đã ký theo quy định của pháp luật.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng lời khai trong quá trình tố tụng đã trình bày:*

Ngày 01/5/2019, ông T1 có vào Công ty N làm việc và đảm nhiệm công việc điều hành hoạt động kinh doanh cho Công ty. Khi vào Công ty, ông T1 có biết việc Ban giám đốc công ty bàn bạc sẽ ký Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty C. Số tiền thuê cụ thể bao nhiêu và tài sản thuê bao gồm những loại nào thì ông T1 không biết. Trong quá trình làm việc tại Công ty thì ông T1 có dùng tài sản cá nhân thanh toán cho Công ty C là 100.000.000 đồng thay cho Công ty N. Sau đó, do Công ty gặp khó khăn nên ông T1 không tiếp tục làm việc tại Công ty N nữa, vì vậy ông không biết hiện các bên đã thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính như thế nào. Ông T1 xác định bản thân không có trách nhiệm và liên quan gì đến Hợp đồng nêu trên. Đối với số tiền ông đã trả thay cho Công ty N thì ông không có yêu cầu gì.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C, ông Nguyễn Duy T1 đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C và ông T1 là đúng quy định. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty N, đây là ý chí tự định đoạt của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về việc giải quyết vụ án: Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào các Điều 269, 270 và Điều 271 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì việc ký kết hợp đồng cho thuê tài chính giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N là đúng pháp luật. Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty C khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Ngoài ra, nếu trường hợp Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Nguyễn Quốc N và ông Bùi Văn C phải có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên cho Công ty C theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Duy T1 đều đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005 ngày 29/5/2019 được giao kết giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận tính đến ngày 19/5/2020 thì Công ty N còn nợ Công ty C số tiền gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 757.119.321 đồng và đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc này theo yêu cầu của nguyên đơn nên ghi nhận. Vì vậy, Công ty N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ tới hạn, tạm tính đến ngày 19/5/2020 là 757.119.321 đồng (gồm tiền nợ gốc là 624.758.335 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 11/02/2020 là 122.518.594 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 11/02/2019 đến ngày 19/5/2020 là 9.842.392 đồng).

[3] Về nợ lãi: Xét thấy, tiền lãi cho thuê tài sản theo thỏa thuận của các đương sự theo hợp đồng cho thuê tài chính là phù hợp với Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ, Quy chế cho vay và quyết định số 546/2002/QĐNHNN, ngày 30/5/2002, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại nên hợp đồng cho thuê tài chính số chính số C190523005 ngày 29/5/2019 là hợp pháp. Theo đó bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 20/5/2020 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ vào thư bảo lãnh cá nhân ngày 29/5/2019 thì ông Nguyễn Quốc N và ông Bùi Văn C có trách nhiệm cùng liên đới trả nợ khi công ty N không trả được nợ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 19, 27 và 28 Nghị Định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ "Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính"

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đối với bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền còn nợ phát sinh từ "Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005" ngày 29/5/2019 tạm tính đến ngày 19/5/2020 là 757.119.321 đồng (gồm tiền nợ gốc là 624.758.335 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 11/02/2020 là 122.518.594 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 11/02/2019 đến ngày 19/5/2020 là 9.842.392 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 20/5/2020 cho đến khi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong "Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005" ngày 29/5/2019.

2. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có quyền yêu cầu ông Nguyễn Quốc N và ông Bùi Văn C có trách nhiệm trả nợ thay khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo thỏa thuận tại thư bảo lãnh cá nhân ngày 29/5/2019.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N phải chịu 34.284.773 đồng. Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C 17.142.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040705 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Thắm**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi      giờ      ngày 26 tháng 9 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

Tiến hành nghị án đối với vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 27/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease; địa chỉ: Tầng 28, Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Toại, chức vụ: Nhân viên Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 77.2020/GUQ – COL ngày 04/6/2020).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát, địa chỉ: 68/9 tổ 4B khu phố Đông Thành, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Nam, sinh năm 1978; chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quốc Nam, sinh năm 1978; địa chỉ: 19B1 tổ 5, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Bùi Văn Cường, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố Ba Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Duy Tân, sinh năm 1987; địa chỉ: 129A/4 khu phố 2, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:



Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết vấn đề này: Các thành viên Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất.

## 2. Về giải quyết vụ án:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease đối với bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease số tiền còn nợ phát sinh từ “Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005” ngày 29/5/2018 tạm tính đến ngày 19/5/2020 là 757.119.321 đồng (gồm tiền nợ gốc là 624.758.335 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 11/02/2020 là 122.518.594 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 11/6/2019 đến ngày 19/5/2020 là 9.842.392 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 20/5/2020 cho đến khi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong “Hợp đồng cho thuê tài chính số C190523005” ngày 29/5/2018.

2.2. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn Nam và ông Bùi Văn Cường có trách nhiệm trả nợ thay khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo thỏa thuận tại thư bảo lãnh cá nhân ngày 29/5/2018.

2.3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ninh Bằng Phát phải chịu 34.284.773 đồng. Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease 17.142.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040705 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An.

2.4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

2.5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Hội đồng xét xét thống nhất 3/3 các vấn đề trên.

Biên bản kết thúc vào lúc      giờ      phút, ngày 26 tháng 9 năm 2020.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**